TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-5-2019.
V/v: "Ly hôn giữa anh T và chị H"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Văn Hùng.

Ông: Bùi Ngọc Sơn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 52/2019/TLST-HNGĐ ngày 15/3/2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Ngọc T Sinh năm: 1986(*Có mặt)*

Địa chỉ: Xóm 13, thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H Sinh năm: 1990*(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Xóm 13, thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2019 được bổ sung tại bản tự khai ngày 15/3/2019, nguyên đơn anh Phạm Ngọc T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn vào ngày 13/11/2008, quá trình tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hòa hợp về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn xung đột. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ

vỡ không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, anh đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Phạm Ngọc Đ sinh ngày 07/12/2009 và Phạm Thị Bảo V sinh ngày 02/11/2011. Hiện cháu đang ở cùng anh. Nay ly hôn anh đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản; công nợ chung: vợ chồng không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Phạm Ngọc Tụng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại bản tự khai ngày 22/4/2019, bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Ngọc T kết hôn vào năm 2008, quá trình tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì chị phát hiện anh T đi cặp bồ. Chị có khuyên bảo nhưng anh có hứa và không thay đổi. Đồng thời, bố mẹ anh còn bênh anh và đổ lỗi cho chị. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ giữa năm 2018 cho đến nay. Chị không thể hàn gắn lại tình cảm và quay về chung sống với anh được nữa. Chị đề nghị Toà án xem xét giải quyết nhanh chóng vụ án ly hôn giữa chị và anh T. Chị đồng ý ly hôn

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Phạm Ngọc Đ sinh ngày 07/12/2009 và Phạm Thị Bảo V sinh ngày 02/11/2011. Hiện cháu đang ở cùng anh và ông bà nội. Nay ly hôn, vì chị không có nhà đất, công việc ổn định nên chị đồng ý để anh nuôi hai con.

Về tài sản; công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị còn đề nghị anh T đền bù tuổi thanh xuân cho chị trong suốt thời gian chị và anh là vợ chồng từ tháng 11/2008 đến năm 2018 là 10 năm.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về việc kết hôn: Anh Phạm Ngọc T và chị Nguyễn Thị H kết hôn vào ngày 13 tháng 11 năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3]Về hôn nhân: Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng không có sự hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống. Trong cuộc sống chung của vợ chồng anh chị thiếu niềm tin ở nhau. Anh chị đã có thời gian ly thân không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Nay anh T và chị H đều xác định tình cảm vợ

chồng đã thực sự đổ vỡ không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ và cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa anh T và chị H nếu có tiếp tục duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Ngọc T với chị Nguyễn Thị H.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị 02 con chung là Phạm Ngọc Đ sinh ngày 07/12/2009 và Phạm Thị Bảo V sinh ngày 02/11/2011. Sau khi xem xét ý kiến của các đương sự và nguyện vọng của con chung Hội đồng xét xử thấy để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung nên giao cả hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T và chị H cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Đối với yêu cầu của chị H về việc đề nghị Tòa án xem xét buộc anh T phải đền bù tuổi thanh xuân cho chị trong thời hạn 10 năm. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của chị không có căn cứ pháp lý. Do đó không có cơ sở để chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh Phạm Ngọc T phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Ngọc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1.Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Phạm Ngọc T và chị Nguyễn Thị H.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao anh Phạm Ngọc T trực tiếp nuôi cả 02 con chung là Phạm Ngọc Đ sinh ngày 07/12/2009 và Phạm Thị Bảo V sinh ngày 02/11/2011. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Chị H có quyền thăm nom con chung sau ly hôn, không ai được cản trở quyền này.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Ngọc T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng anh đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0002206 ngày 15/3/2019.

4.Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Ngọc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện Nam Trực;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

Phạm Mạnh Cường